

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

“V/v Ly hôn với người mất tích”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hết.

2. Ông Nguyễn Văn Hết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn với người mất tích” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị P**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp T3, xã TB, huyện TH, tỉnh Long An (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1969.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp MN, xã NĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị P trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T quen biết qua mai mối, được gia đình hai bên đồng ý nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa P Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2002. Sau khi thành hôn, chị về sống cùng với gia đình anh T tại ấp MN, xã NĐ, huyện Mỏ Cày Nam, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị,

mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Đến năm 2010, do không thể tiếp tục chung sống nên chị dẫn theo con là Bùi Văn Minh D đến ấp T3, xã TB, huyện TH, tỉnh Long An lập nghiệp và sinh sống cho đến nay. Cũng vào thời điểm đó, anh T tự ý bỏ nhà đi không rõ tin tức. Mặc dù, chị và gia đình đã tìm đủ mọi biện pháp để tìm kiếm anh T nhưng không biết anh T đang làm gì và ở đâu. Đến ngày 27/4/2023, chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố mất tích đối với anh T và đã được Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết chấp nhận tuyên bố anh T mất tích theo Quyết định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 10/2023/QĐ-VDS-DS ngày 27/12/2023. Kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với anh T cho đến nay thì anh T không trở về địa phương cũng như không liên lạc về với gia đình nên hiện nay chị và gia đình không biết anh T đang ở đâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Bùi Văn Minh D, sinh ngày: 15/02/2001. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn do nguyên đơn giao nộp; T báo về việc thụ lý vụ án và T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tòa án không có căn cứ khác thể hiện về địa chỉ của anh T. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị P và anh T mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ pháp lý để xem xét, giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị P và anh Bùi Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị P yêu cầu xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Bùi Văn T tại ấp MN, xã NĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với bị đơn anh Bùi Văn T là người bị Tòa án tuyên bố mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, anh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị P và anh Bùi Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa P Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị P cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không đầm ấm, hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị. Từ năm 2010, anh T tự ý bỏ nhà đi biệt tích, sau nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của anh T nên chị P đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh T và anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 10/2023/QĐ-VDS-DS ngày 27/12/2023. Theo kết quả xác minh do Công an xã NĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cung cấp thể hiện: Từ tháng 12/2023 cho đến nay, anh T không có cư trú, sinh sống tại địa chỉ ấp MN, xã NĐ. Từ đó cho thấy, anh T đã không còn quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị P. Xét thấy, anh T là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu xin ly hôn của chị P thuộc trường hợp ly hôn với người mất tích. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh T có một con chung là Bùi Văn Minh D, sinh ngày: 15/02/2001, hiện tại con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động. Xét thấy, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh về việc yêu cầu chia tài sản chung

và nợ chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị P là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị P, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn T.
2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị P và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Văn Minh D, sinh ngày: 15/02/2001. Hiện con chung đã thành niên, chị Huỳnh Thị P và anh Bùi Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.
4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thủy đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003907 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Phan Thị Thủy đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đa P Hội;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân